

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM ENG VIỆT NAM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 14 THÁNG 12 NĂM 2007
(NGÀY THÀNH LẬP CÔNG TY) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2008**

S
★
C

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM ENG VIỆT NAM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 14 THÁNG 12 NĂM 2007
(NGÀY THÀNH LẬP CÔNG TY) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2003**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo của kiểm toán viên	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - CTCK)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 - CTCK)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 - CTCK)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 - CTCK)	9

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM ENG VIỆT NAM

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy phép hoạt động

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Công ty được cấp Giấy phép thành lập số 71/UBCK-GP, do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 12 năm 2007.

Công ty có trụ sở chính đặt tại 255 Trần Hưng Đạo, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty theo Giấy phép thành lập là 200 tỷ đồng Việt Nam.

Hội đồng Quản trị

Thành viên của Hội đồng quản trị được bổ nhiệm theo biên bản họp ngày 18 tháng 7 năm 2007 bao gồm:

Ông Lâm Hoàng Lộc	Chủ tịch
Ông Lê Minh Tâm	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền	Ủy viên
Ông Ong Cheow Kheng	Ủy viên
Ông Ong Seng Gee	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 14 tháng 7 năm 2008)

Ban Tổng Giám đốc

Thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính đầu tiên và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Minh Tâm	Tổng Giám đốc
Ông Ong Cheow Kheng	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát được bổ nhiệm theo biên bản họp ngày 18 tháng 7 năm 2007 bao gồm:

Ông Phạm Thành Tiến
Ông Tan Pei-San
Ông Jason Foo

Kiểm toán viên

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM ENG VIỆT NAM

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của giai đoạn từ ngày 14 tháng 12 năm 2007 (ngày thành lập Công ty) đến ngày 31 tháng 12 năm 2008. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng chúng một cách nhất quán;
- thực hiện các phán đoán và ước lượng một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính trên cơ sở doanh nghiệp hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Chúng tôi, ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai qui định khác.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 20. Các báo cáo tài chính này trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của giai đoạn từ ngày 14 tháng 12 năm 2007 (ngày thành lập Công ty) đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam.

Thay mặt Ban Giám đốc




Lê Minh Tâm
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 23 tháng 2 năm 2009

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM ENG VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam ("Công ty") gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ của giai đoạn từ ngày 14 tháng 12 năm 2007 (ngày thành lập Công ty) đến ngày 31 tháng 12 năm 2008, và bảng tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu cùng các thuyết minh.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để các báo cáo tài chính không bị sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các tiêu chí đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu các báo cáo tài chính có sai phạm trọng yếu hay không.

Cuộc kiểm toán bao hàm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu được các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính. Những thủ tục kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào phán đoán của kiểm toán viên, bao gồm cả việc đánh giá các rủi ro của các báo cáo tài chính xem có sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót hay không. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc đơn vị soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Ban Giám đốc đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 14 tháng 12 năm 2007 (ngày thành lập Công ty) đến ngày 31 tháng 12 năm 2008, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam.



Ian S. Lydall
Số chứng chỉ KTV: N.0559/KTV
Chữ ký được ủy quyền

Nguyễn Hoàng Nam
Số chứng chỉ KTV: 0849/KTV

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)
TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số HCM2156
Ngày 23 tháng 2 năm 2009

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 cho các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo là không nhằm thể hiện tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và cách thực hành kế toán Việt Nam.


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 Triệu đồng
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN		127.064
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	8.960
1	Tiền		5.960
2	Các khoản tương đương tiền		3.000
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4(a)	105.967
1	Đầu tư ngắn hạn		105.967
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn		9.780
1	Phải thu khách hàng		4.635
2	Trả trước cho người bán		173
5	Các khoản phải thu khác		4.972
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-
V	Tài sản ngắn hạn khác		2.357
1	Chi phí trả trước ngắn hạn		868
2	Thuế GTGT được khấu trừ		114
4	Tài sản ngắn hạn khác		1.375
B	TÀI SẢN DÀI HẠN		76.287
II	Tài sản cố định		27.381
1	Tài sản cố định hữu hình	5(a)	18.926
	Nguyên giá		23.262
	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.336)
3	Tài sản cố định vô hình	5(b)	7.809
	Nguyên giá		9.542
	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.733)
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5(c)	646
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4(b)	47.541
3	Đầu tư chứng khoán dài hạn		47.541
	- Chứng khoán sẵn sàng để bán		1.085
	- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn		46.456
V	Tài sản dài hạn khác		1.365
1	Chi phí trả trước dài hạn	6	1.245
3	Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán		120
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		203.351


Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 20 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày	
			31 tháng 12 năm 2008	Triệu đồng
A	NỢ PHẢI TRẢ			8.284
I	Nợ ngắn hạn			8.081
2	Phải trả người bán			974
3	Người mua trả tiền trước			205
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	7		158
6	Chi phí phải trả	8		1.358
7	Phải trả nội bộ	14		8
8	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán			5.281
9	Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu			53
11	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác			44
II	Nợ dài hạn			203
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm			203
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU			195.067
I	Vốn chủ sở hữu			195.067
1	Vốn góp của chủ sở hữu	9		200.000
5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	9		(3.250)
10	Lỗi lũy kế	9		(1.683)
II	Quỹ khen thưởng, phúc lợi			-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN				203.351


 Ngô Thanh Thủy
 Kế toán trưởng






 Lê Minh Tâm
 Tổng Giám đốc
 Ngày 23 tháng 2 năm 2009

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 20 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ ngày 14 tháng 12 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 Triệu đồng
1	Doanh thu	30.114
	<i>Trong đó:</i>	
	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	4.201
	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	2.626
	Doanh thu hoạt động tư vấn	537
	Doanh thu lưu ký chứng khoán	70
	Doanh thu khác	22.680
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-
3	Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	30.114
4	Chi phí hoạt động kinh doanh	10 (12.557)
5	Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	17.557
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	11 (19.216)
7	Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh	(1.659)
8	Thu nhập khác	12 14
9	Chi phí khác	12 (38)
10	Chi phí khác – Số thuần	(24)
11	Tổng lỗ kế toán trước thuế	(1.683)
12	Chi phí thuế TNDN hiện hành	13 -
13	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	13 -
14	Lỗ sau thuế TNDN	(1.683)


 Ngô Thanh Thủy
 Kế toán trưởng


 Lê Minh Tâm
 Tổng Giám đốc
 Ngày 23 tháng 2 năm 2009

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 20 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Giai đoạn từ
ngày 14 tháng 12 năm
2007 đến ngày 31 tháng
12 năm 2008
Triệu đồng

Mã số	Thuyết minh	
I	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	
1	Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	5.013
2	Tiền chi hoạt động kinh doanh	(18.959)
3	Tiền chi nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	(120)
4	Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	4.965.499
5	Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	(4.959.928)
8	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	(5.409)
9	Tiền chi trả cho người lao động	(9.747)
10	Tiền chi trả lãi vay	(70)
12	Tiền thu hoạt động kinh doanh	14
13	Tiền chi khác	(36)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(23.743)
II	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(31.866)
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(134.456)
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(51.352)
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	29.050
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	21.321
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(167.303)
III	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	
1	Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	200.000
	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	200.000
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	8.954
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	6
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	8.960

Ngô Thanh Thủy
Kế toán trưởng

Lê Minh Tâm
Tổng Giám đốc
Ngày 23 tháng 2 năm 2009

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 20 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 14 THÁNG 12 NĂM 2007
(NGÀY THÀNH LẬP CÔNG TY) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2008**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam ("Công ty") được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 71/UBCK-GP ngày 14 tháng 12 năm 2007 do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tư doanh chứng khoán, tư vấn tài chính, đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty có 81 nhân viên.

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam. Báo cáo tài chính được soạn thảo dựa theo quy ước giá gốc có bổ sung các khoản đầu tư giữ để bán được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua vốn chủ sở hữu.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Niên độ kế toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 14 tháng 12 năm 2007 (ngày thành lập Công ty) đến ngày 31 tháng 12 năm 2008.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính theo triệu đồng Việt Nam.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được đánh giá lại theo tỷ giá áp dụng vào ngày của bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

